

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒA VANG  
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **59** /2021/HS-ST

Ngày 25-11-2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đức Thọ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Hồng Khánh

Nơi công tác: Phòng giáo dục và đào tạo huyện Hòa Vang.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyền

Nơi công tác: Trường tiểu học số 2 Hòa Phước, huyện Hòa Vang.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Anh D**, sinh ngày 11/7/2002 tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: Xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không xác định) và bà Nguyễn Thị Hồng V (s); bị cáo là con duy nhất trong gia đình.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 22/3/2021, bị Công an xã H, huyện H xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp Tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09 tháng 7 năm 2021; có mặt tại phiên tòa.

**2. Trần Văn Việt**, sinh ngày 07/3/1999, tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: Xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Ch (s) và bà Nguyễn Thị Ch (s); gia đình có 03 người con, bị cáo là con đầu.

Tiền sự, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

**3. Trần H**, sinh ngày 06/3/1996, tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: Xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần S (s) và bà Nguyễn Thị L (s); gia đình có 05 người con, bị cáo là con thứ tư.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 11/5/2021, bị Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 12 tháng.

Bị cáo hiện đang chấp hành quyết định áp dụng cai nghiện bắt buộc tại cơ sở xã hội B, thành phố Đà Nẵng; có mặt tại phiên tòa.

**4. Đặng Hồng Vinh**, sinh ngày 31/8/1999, tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: Xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không xác định) và bà Đặng Thị Ng (s); bị cáo là con duy nhất trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

**5. Phạm Văn X**, sinh ngày 13/6/2003, tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: Xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Nh (s) và bà Trần Thị Ngọc H (s); gia đình có 03 người con bị cáo là con thứ hai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

**6. Thi Lý C**, sinh ngày 06/5/1970, tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: Xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Thợ xây; trình độ học vấn 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thi Lý D (c) và bà Nguyễn Thị X (s); bị cáo là con duy nhất trong gia đình, có vợ Trần Thị L và 02 con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 1999.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

\* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Văn X*: Ông **Phạm Văn Nh**, sinh năm 1970 và bà **Trần Thị Ngọc H**, sinh năm 1976; cùng trú tại: Xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; ông Nh vắng mặt, bà H có mặt.

\* *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn X*: Luật sư **Nguyễn Thành Đ** – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Đà Nẵng; có mặt.

\* *Bị hại*: Bà **Ngô Thị Ph**, sinh năm 1985; trú tại: Xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1972, Trú tại: Xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

2. Bà **Trần Thị Thu Th**, sinh năm 1984; trú tại: Phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

3. Ông **Đặng Văn V**, sinh năm 1988; trú tại: Xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

4. Ông **Nguyễn Tấn Cảnh**, sinh năm 1975; trú tại: Xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 03/4/2021, Nguyễn Anh D, Trần Văn V, Đặng Hồng V, Trần H, Phạm Văn X và Nguyễn Tấn B cùng nhau đến quán cà phê “Đen” tại thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng để uống cà phê. Ngồi một lúc cả nhóm rủ nhau đem đồ ra nhậu. Trong lúc ngồi nhậu thì D nói tại nhà chị Ngô Thị Ph có để một số thiết bị bằng sắt không ai trông coi, nhưng số sắt này rất nặng một mình D lấy trộm không được nên rủ những người ngồi nhậu cùng đi lấy trộm về bán lấy tiền tiêu xài thì tất cả đồng ý. Đến khoảng 00 giờ 30 ngày 04/4/2021, Nguyễn Anh D, Trần Văn V, Đặng Hồng V, Trần H, Phạm Văn X và Nguyễn Tấn B cùng nhau đi đến nhà chị Ph để trộm cắp tài sản. V điều khiển xe mô tô hiệu Exiter biển kiểm soát 43K1 – AAA.AA chở theo V và H, còn B điều khiển xe mô tô Wave biển kiểm soát 43H9 – BBBB chở theo X và D đến thôn D, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, khi cách nhà chị Ph khoảng 50 mét thì D nói cả nhóm dừng xe lại để D đi vào bên trong quan sát, khoảng 05 phút sau D quay lại nói với cả nhóm chạy xe vào bên trong. Các bị cáo chạy xe ngang qua nhà chị Ph cách khoảng 15 mét thì dừng xe lại. Lúc này, H xuống xe thì D nói với H “vô bộ với tao”, D và H đi đến gần bờ tường nhà bà Ph nơi để 01 máy tời nên lấy trộm đem ra để trên xe của V. Sau đó, tất cả cùng ngồi trên xe điều khiển xe chở 01 máy tời đến một cánh đồng gần đó dừng lại bỏ máy tời vừa lấy trộm được xuống và cử X ở lại canh giữ chiếc máy tời này. Những người còn lại lên 02 xe mô tô quay lại nhà chị Ph, D và H tiếp tục vào nhà chị Ph lấy trộm 01 bộ máy tời bỏ lên xe của V chở đến nơi X đang đứng chờ. D, V, B, X chở 02 bộ máy tời đến tiệm phế liệu của bà Trần Thị L tại thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, bên cạnh quán cà phê Đen. Còn H và V đi bộ dọc theo đường đồng và được X lấy xe của B chở về quán cà phê Đen. Khi D, V và B đem tài sản trộm cắp đến bên cạnh tiệm phế liệu thì chưa có ý định bán mà để cất giấu, nhưng do sắt từ trên xe rơi xuống gây ra tiếng động làm cho ông Thi Lý C (*Chồng của bà L ở lại tiệm phế liệu để trông coi tiệm vào ban đêm*) thức dậy và đã ra hỏi D, V và B “*Có bán không chú mở cửa cho bán*”, V hỏi ông C “*Sắt này chú mua theo kiểu gì*” thì ông C nói “*Sắt ni mua theo sắt vụn 8000 đồng/1kg*”, D và V, B đồng ý bán, V cùng D, B lấy 02 máy tời vào tiệm và bỏ lên cân từng cái một, trong lúc cân ông C có nói “*Nhanh nhanh lên, không Công an tới thì mệt*” thì D, V và B không nói gì, tiếp tục cân

được 108 ký ông C không có đủ tiền nên đã đưa cho các bị cáo số tiền 859.000 đồng thì các bị cáo đồng ý lấy số tiền này. Sau khi lấy tiền cả nhóm rủ nhau đi ăn uống hết 200.000 đồng. Số tiền còn lại chia nhau mỗi người 80.000 đồng và để trả tiền nước uống. Đến 5 giờ sáng cùng ngày bà Ph phát hiện bị mất 02 bộ máy tời nên đã đi đến các tiệm phế liệu xung quanh để tìm. Khi đến tiệm phế liệu của bà L thì phát hiện 02 bộ máy tời của mình ở trong tiệm nên đã trình báo với Công an đến làm việc. Cơ quan Công an đã mời Nguyễn Anh D, Trần Văn V, Đặng Hồng V, Trần H, Phạm Văn X và Nguyễn Tấn B lên làm việc. Qua làm việc D, V, V, H, X và B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng thời tự nguyện giao nộp lại số tiền 859.000 đồng.

Đối với Thi Lý C mặc dù không có sự hứa hẹn trước, C nhận thức được được đây là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có và C đã đồng ý mua 02 bộ máy tời và C có nói với các bị cáo “*Có bán không chú mở cửa cho bán*” và trong lúc bán C nói với các bị cáo là “*Nhanh nhanh lên, không Công an tới thì mệt*” nên Thi Lý C đã phạm vào tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Theo Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐG ngày 19/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên của UBND huyện H kết luận: 02 (hai) bộ máy tời XY-1A tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá 9.600.000 đồng (*Chín triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Theo Kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐG ngày 06/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên của UBND huyện H kết luận: 01 (một) sợi dây cáp, kích thước (14,5 x 0,01)m, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá 290.000 đồng (*hai trăm chín mươi nghìn đồng*).

Tổng tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt có trị giá là 9.890.000 đồng.

Bản cáo trạng số 57/CT-VKSHV ngày 14/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố các bị cáo Nguyễn Anh D, Trần Văn V, Đặng Hồng V, Trần H và Phạm Văn X về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Thi Lý C về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

\* Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Anh D từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn V từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đặng Hồng V từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần H từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 100 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Văn X từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm h, i, s khoản 1 khoản, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Thi Lý C từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Ngoài ra, còn đề cập đường lối xử lý về tang vật, vật chứng và tiền án phí.

Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Văn X đồng ý với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên đối với bị cáo Phạm Văn X về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử khi lượng hình cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như: Tại thời điểm phạm tội bị cáo là người chưa thành niên nên nhất thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; hoàn cảnh bị cáo có khó khăn nhất định quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, Điều 100 của Bộ luật hình sự xử bị cáo Phạm Văn X mức án 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho bị cáo X cũng như bị cáo X đồng ý với lời bào chữa của luật sư và không có tranh luận hay bào chữa bổ sung gì.

Bị cáo Nguyễn Anh D, Trần Văn V, Đặng Hồng V, Trần H, Phạm Văn X và Thi Lý C nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về xác định tội phạm: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã truy tố; lời nhận tội của các bị cáo phù

hợp với các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 00 giờ 30 ngày 04/4/2021, Nguyễn Anh D, Trần Văn V, Đặng Hồng V, Trần H, Phạm Văn X và Nguyễn Tấn B cùng đi trên 02 xe mô tô biển kiểm soát 43K1 – AAA-AA và 43H9 – BBBB đến nhà bà Ngô Thị Ph ở thôn D, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng và lén lút đột nhập vào nhà bà Ph lấy trộm 02 bộ máy tời trị giá là 9.890.000 đồng. Sau khi trộm được tài sản, mặc dù không có sự hứa hẹn trước, biết được đây là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nhưng bị cáo Thi Lý C đã đồng ý mua 02 bộ máy tời với giá 859.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định hành vi của các bị cáo Nguyễn Anh D, Trần Văn V, Đặng Hồng V, Trần H và Phạm Văn X đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và bị cáo Thi Lý C đã cấu thành tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

Các bị cáo Nguyễn Anh D, Trần Văn V, Đặng Hồng V, Trần H và Phạm Văn X nhận thức được rõ tài sản hợp pháp của mọi cá nhân được pháp luật bảo vệ, không ai có quyền xâm phạm, mọi hành vi xâm phạm đều bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn bất chấp thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Mặc dù, các bị cáo là đồng phạm giản đơn, hành vi trộm cắp mang tính bộc phát thể hiện trước và trong khi thực hiện tội phạm không có sự bàn bạc, phân công vai trò phạm tội, tuy nhiên hành vi phạm tội của các bị cáo hết sức liều lĩnh và manh động, thời điểm phạm tội xảy ra ban đêm nên gây khó khăn cho công tác điều tra. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo mức nghiêm minh để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung, nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

Xét vai trò phạm tội trộm cắp tài sản của các bị cáo Nguyễn Anh D, Trần Văn V, Đặng Hồng V, Trần H và Phạm Văn X thì thấy:

Bị cáo D là người giữ vai trò cao nhất, bị cáo là người khởi xướng rủ rê các bị cáo Trần Văn V, Đặng Hồng V, Trần H và Phạm Văn X trộm cắp tài sản, bị cáo là người trực tiếp trộm cắp hai máy tời của bà Ngô Thị Ph và khiên ra xe của bị cáo V để mang đi tiêu thụ. Sau khi bán được tài sản trộm cắp bị cáo được hưởng lợi ăn uống và được chia 80.0000 đồng.

Bị cáo V, bị cáo H vai trò phạm tội gần tương đồng nhau và cao thứ hai sau bị cáo D, cả hai bị cáo nhất trí cao với việc đi trộm cắp tài sản của bà Ph mà bị cáo D đề xướng, cả hai bị cáo là người thực hành rất tích cực, trong đó bị cáo V sử dụng xe mô tô của bị cáo chở bị cáo V và bị cáo H đi trộm cắp tài sản của bà Ph; bị cáo là người đứng ra giao dịch để bán hai máy tời cho bị cáo C. Bị cáo H là những người trực tiếp trộm

cấp tài sản và khiên tài sản trộm cắp ra xe bị cáo V chở đi tiêu thụ. Sau khi bán được tài sản trộm cắp cả hai bị cáo được hưởng lợi ăn uống và được chia mỗi bị cáo 80.0000 đồng.

Bị cáo V và bị cáo X vai trò phạm tội gần tương đồng nhau và thấp hơn bị cáo V, bị cáo H, cả hai bị cáo nhất trí cao với việc đi trộm cắp tài sản của bà Ph mà bị cáo D đề xướng, trong đó bị cáo V chỉ tham gia đi theo các đồng phạm; bị cáo X là người được phân công canh giữ tài sản trộm cắp. Sau khi bán được tài sản trộm cắp cả hai bị cáo được hưởng lợi ăn uống và được chia mỗi bị cáo 80.0000 đồng.

*Xét hành vi phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của bị cáo Thi Lý C thì thấy:* Bị cáo Thi Lý C mặc dù không hứa hẹn trước với các bị cáo Nguyễn Anh D, Trần Văn V, Đặng Hồng V, Trần H và Phạm Văn X nhưng bị cáo C nhận thức được 02 máy tời mà các bị cáo mang đến bán cho bị cáo C vào khoảng thời gian 00 giờ 30 phút là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nhưng vì hám lợi nên bị cáo Thi Lý C đã bất chấp pháp luật đã đồng ý mua 02 máy tời với giá 859.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo C không những tiếp tay cho các bị cáo Nguyễn Anh D, Trần Văn V, Đặng Hồng V, Trần H, Phạm Văn X tiêu thụ tài sản phạm pháp mà còn gây mất an ninh tại địa phương. Do đó, cũng cần xử phạt bị cáo C mức án nghiêm minh để răn đe và giáo dục bị cáo.

Các tình tiết tăng nặng:

Bị cáo D có 01 tình tiết tăng nặng là “ Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm 0 khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự và bị cáo có 01 tiền sự ngày 22/3/2021, bị Công an xã H, huyện H xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp Tài sản”.

Các bị cáo còn lại đều không có tình tiết tăng nặng; bị cáo H có nhân thân ngày 11/5 /2021, bị Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 12 tháng.

Các tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Nguyễn Anh D, Trần Văn V, Đặng Hồng V, Trần H, Phạm Văn X và Thi Lý C phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; các bị cáo Trần Văn V, Đặng Hồng V, Trần H, Phạm Văn X và Thi Lý C phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tất cả các bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo V và bị cáo C có người thân trong gia đình có công Cách mạng. Vì vậy, khi lượng hình cần áp dụng quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt tương ứng cho từng bị cáo. Riêng bị cáo Phạm Văn X tại thời điểm phạm tội bị cáo là người chưa thành niên nhất thiết pháp luật còn hạn chế nên áp dụng thêm Điều 91 của Bộ luật hình sự để xem xét khi lượng hình đối với bị cáo X.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm minh, cụ thể:

- Đối với bị cáo Nguyễn Anh D phải chịu mức án cao nhất và cần xử phạt bị cáo D mức án cao hơn mức án mà Kiểm sát viên đề nghị mới tương xứng hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

- Đối với bị cáo Trần Văn V, bị cáo Trần H vai trò phạm tội gần tương đồng nhau nên phải chịu mức án ngang nhau và cao thứ hai sau bị cáo D, đồng thời xét thấy cần cách ly các bị cáo V, bị cáo H ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới tương xứng hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra.

- Đối với bị cáo Đặng Hồng V, Phạm Văn X và Thi Lý C cũng cần phải xử phạt nghiêm minh, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên là không cần thiết phải xử giam các bị cáo V, bị cáo X, bị cáo C. Áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự xử cho các bị cáo V, bị cáo C được hưởng án treo và áp dụng 100 của Bộ luật hình sự xử cho bị cáo X hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng răn đe giáo dục các bị cáo này.

[4] Xét luận cứ bào chữa của Luật sư cho bị cáo Phạm Văn X tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên việc Luật sư đề nghị xử phạt bị cáo X mức án 06 tháng cải tạo không giam giữ là quá nhẹ, chưa tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra nên cần xử tăng thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo X mới phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Ngày 11/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, ra Quyết định xử lý vật chứng số: 33 trả lại cho chủ sở hữu là bà Ngô Thị Ph 02 bộ máy tời và sợi dây cáp có kích thước (14,5 x 0,01) mét là đúng quy định pháp luật.

- Đối với xe mô tô biển số 43H9-BBBB, quá trình điều tra, xác định bà Trần Thị Thu Th là người đứng tên trên giấy đăng ký mô tô, đăng ký mới vào ngày 01/6/2004, bà Th đã bán xe mô tô này cho ông Đặng Văn V vào tháng 11/2020. Đến ngày 05/12/2020, ông V bán chiếc xe này cho ông Nguyễn Tấn C là cha ruột của anh Nguyễn Tấn B nhưng không làm thủ tục sang tên. Khi B lấy xe mô tô đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì ông C không hay biết nên Cơ quan điều tra đã trả xe này cho ông Nguyễn Tấn C theo Quyết định xử lý vật chứng số: 33 ngày 11/6/2021 là có căn cứ.

- Đối với xe mô tô biển kiểm soát 43K1-AAA-AA, Cơ quan Cảnh sát Điều tra điều tra xác định, chiếc xe này là do bị cáo Trần Văn V đứng tên làm chủ sở hữu, bị cáo V sử dụng chiếc xe này cùng đồng phạm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với số tiền 859.000 đồng của các bị cáo giao nộp để khắc phục hậu quả gây ra, xét thấy cần tiếp tục quy trừ để đảm bảo cho Thi hành án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Ph sau khi nhận lại số tài sản đã mất trộm, không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Trong vụ án này còn có Nguyễn Tấn B, sinh ngày 06/11/2005, tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 04/4/2021 thì B chưa đủ 16 tuổi. Hành vi



của B thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng và không thuộc khoản 2 Điều 12 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ đến Công an huyện H ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 123 ngày 24/5/2021 đối với Nguyễn Tấn B về hành vi “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ bằng hình thức cảnh cáo là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**I. Tuyên bố:** Các bị cáo Nguyễn Anh D, Trần Văn V, Đặng Hồng V, Trần H, Phạm Văn X phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; bị cáo Thi Lý C phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm 0 khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Anh D** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/7/2021.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn V** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt giam thi hành án.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần H** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt giam thi hành án.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đặng Hồng V** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Đặng Hồng V cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 100 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn X** 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phạm Văn X cho UBND xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Thi Lý C 09** (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Thi Lý Cuộn cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

**II. Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01( một) xe mô tô biển kiểm soát 43K1-AAA-AA, do bị cáo Trần Văn V đứng tên làm chủ sở hữu.

*(Xe mô tô trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, thành phố Đà Nẵng theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 05/ 11 /2021).*

- Tiếp tục quy trừ số tiền 859.000 đồng( tám trăm năm mươi chín nghìn đồng) để đảm bảo cho Thi hành án.

*(Số tiền trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu ngày 05/ 11 /2021).*

**III. Về án phí:** Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**IV. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, Luật sư bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người đại diện hợp pháp cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- *TAND TP. Đà Nẵng;*
- *VKSND TP.Đà Nẵng;*
- *Công an huyện Hòa Vang;*
- *VKSND huyện Hòa Vang;*
- *CCTHADS huyện Hòa Vang;*
- *Bị cáo;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ.*

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Đức Thọ**

Nơi nhận:

- TAND TP. Đà Nẵng;
- Công an huyện Hòa Vang;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- CCTHADS huyện Hòa Vang;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Đức Thọ**

**[4]** Xét quan điểm của Kiểm sát viên thì thấy:

Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy trong vụ án này bị cáo Dũng là người khởi xướng hành vi trộm cắp, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng và có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản nên cần xử phạt bị cáo Dũng mức án cao hơn mức án đề nghị của Kiểm sát viên mới đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo. Đối với bị cáo V, bị cáo H vai trò phạm tội gần như nhau và cao thứ hai sau bị cáo Dũng, mặc dù gia đình bị cáo Việt có người tham gia cách mạng nhưng xét thấy xử

Việt và không có tình tiết tăng nặng, nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần thiết áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự quyết định xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng tối đa của hình phạt là nhằm giáo dục, răn đe và phòng chống tội phạm này trong giai đoạn hiện nay

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Văn Xuân, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nghị án kết thúc vào hồi      giờ      phút, ngày 25 tháng 11 năm 2021

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**